**Mẫu số: 01/QTDA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ ĐẦU TƯ-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|   | *……….., ngày … tháng … năm…* |

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp quyết toán dự án hoàn thành**

Kính gửi:…………………………………………

- Tên dự án:…………………………………………………….. Giá trị tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối:…………………………………………….

- Tên dự án thành phần, tiểu dự án (nếu có):………………………………………………….. Giá trị tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối:…………………………………………..

- Tên công trình, hạng mục công trình hoàn thành (nếu có):……………………………………Giá trị dự toán được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối………………………………………………………

- Chủ đầu tư:..................................................................

**I. Nguồn vốn đầu tư:**

*Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên nguồn vốn** | **Theo Quyết định đầu tư điều chỉnh lần cuối** | **Thực hiện** |
| **Kế hoạch** | **Đã thanh toán** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |
| 1 | Nguồn vốn đầu tư công |   |   |   |
| 1.1 | Ngân sách nhà nước |   |   |   |
|   | - Vốn ngân sách trung ương:+ Vốn hỗ trợ có mục tiêu và Chương trình mục tiêu quốc gia+ Vốn trái phiếu Chính phủ+ Vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ+ Vốn………….- Vốn ngân sách địa phương |   |   |   |
| 1.2 | Nguồn vốn khác thuộc vốn đầu tư công |   |   |   |
| 2 | Nguồn vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh |   |   |   |
| 3 | Nguồn vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của nhà nước |   |   |   |
| 4 | Nguồn vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước |   |   |   |
| 5 | Nguồn vốn khác (nếu có) |   |   |   |

**II. Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:**

*Đơn vị: đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung chi phí** | **Dự án (dự toán công trình, hạng mục công trình) được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối** | **Giá trị đề nghị quyết toán** | **Tăng, giảm so với dự án (dự toán công trình, hạng mục công trình) được duyệt** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|  | **Tổng số** |  |  |  |
| 1 | Bồi thường, hỗ trợ, TĐC |   |   |   |
| 2 | Xây dựng |   |   |   |
| 3 | Thiết bị |   |   |   |
| 4 | Quản lý dự án |   |   |   |
| 5 | Tư vấn |   |   |   |
| 6 | Chi khác |   |   |   |
| 7 | Dự phòng |   |   |   |

**III. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:**

1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:

2. Chi phí không tạo nên tài sản:

**IV. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nhóm** | **Giá trị tài sản (đồng)** |
|  | **Tổng số** |  |
| 1 | Tài sản dài hạn (tài sản cố định) |   |
| 2 | Tài sản ngắn hạn |   |

**V. Thuyết minh báo cáo quyết toán**

1. Tình hình thực hiện dự án:

- Những thay đổi nội dung của dự án so với quyết định đầu tư được duyệt.:

+ Quy mô, kết cấu công trình, hình thức quản lý dự án, thay đổi Chủ đầu tư, hình thức lựa chọn nhà thầu, nguồn vốn đầu tư, tổng mức vốn đầu tư.

+ Những thay đổi về thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán được duyệt.

2. Nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án:

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước.

- Công tác quản lý vốn, tài sản trong quá trình đầu tư.

3. Kiến nghị:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **KẾ TOÁN TRƯỞNG***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **CHỦ ĐẦU TƯ***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |